

Bản án số: 44/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 29/11/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN F – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Đăng Thành
2. Ông Bùi Trung Thành.

- Th- ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân — Thư ký Tòa án nhân dân huyện F.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện F tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 29/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện F xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/8/2018 về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXX-ST ngày 25/10/2018 giữa các đ- ong sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A** – Sinh năm 1986

Địa chỉ: C, xã B, huyện D, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh **Tổng Hòa B** - sinh năm 1982

Địa chỉ: SN 780 Đường E, TT. F, huyện F, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị **A**, vắng mặt anh **B** không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 05/6/2018 và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Tổng Hòa B** kết hôn với nhau ngày 16/6/2011, việc kết hôn là do chị và anh **B** tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND TT. F, huyện F, tỉnh Thanh Hóa và đã được UBND thị trấn cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được một thời gian khoảng được 01 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn từ tháng 05/2012 anh **B** chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con, anh **B** còn đánh chị và đe dọa con gái. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 02/2015 đến nay mỗi người sống mỗi nơi, vợ chồng

sống ly thân nhau từ lâu, không ai quan tâm và có trách Gặm đến ai. Nay chị xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh **B** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **B**.

Về con chung: Chị và anh **B** có 01 con chung là Tổng Nguyễn Hà **G** - Sinh ngày 26/6/2011. Khi chị và anh **B** ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh **B** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Tổng Hòa B: Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh **B**, thông báo cho anh **B** ngày giờ đến Tòa án để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, hiện anh **B** đang có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương nhưng anh **B** không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên Tòa án không lấy được lời khai của anh **B**, không hòa giải được vụ án và tại phiên tòa anh **B** cũng vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/9/2018 đối với bà Ngô Thị Bình – mẹ đẻ anh Tổng Hòa B trình bày: Anh Tổng Hòa **B** và chị Nguyễn Thị **A** tự nguyện kết hôn với nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống với gia đình nhà bà ở SN 780 Đường **E**, TT. **F**, huyện **F**. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì chị **A** đi xuất khẩu lao động ở bên nước Nga đến cuối năm 2017 thì về nước; do chị **A** và anh **B** xa nhau nên xảy ra mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau. Khi về nước chị **A** đón con về bên ngoại ở xã Xuân Châu, huyện Thọ Xuân sinh sống và anh chị cũng ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm và có trách Gặm đến ai. Nay chị **A** có đơn xin ly hôn anh **B**, quan điểm của gia đình: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung: Cháu Tổng Nguyễn Hà **G** – sinh ngày 26/6/2011. Gia đình đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật để giải quyết. Về tài sản, công nợ chung: Gia đình không nắm được.

Tại biên bản thu thập chứng cứ tại nơi cư trú – Trưởng phó Lê Lai, TT. F cung cấp như sau: Anh Tổng Hòa **B** và chị Nguyễn Thị **A** kết hôn với nhau vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Sơn, huyện **F**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình nhà nội ở SN 780 Đường **E**, TT. **F**, huyện **F**. Đến đầu năm 2015 chị **A** đi xuất khẩu lao động tại Nga đến cuối năm 2017 thì về nước, chị **A** đón con về bên ngoại sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, chị **A** cũng không quay về địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống anh chị không báo cáo với chính quyền địa phương, nên việc mâu thuẫn của vợ chồng như thế nào địa phương không nắm được. Nay chị **A** có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương: Đề nghị căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 01 con chung. Nếu tr-ờng hợp anh chị phải ly hôn, thì đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế để quyết định giao con cho ai nuôi đảm bảo đ-ợc điều kiện về học tập, sinh hoạt của cháu. Về tài sản, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ-ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ-ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ-a ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ-ơng sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về hôn nhân: Xử cho chị **A** và anh **B** được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Tống Nguyễn Hà **G** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về án phí: Chị **A** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị **A** vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh **B** đã đ-ợc triệu tập hợp lệ lần 2 nh-ng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 điều 227 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đ-ơn anh Tống Hòa **B**.

[2]Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị **A** và anh Tống Hòa **B** kết hôn với nhau từ năm 2011, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c-ới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Chị **A** cho rằng Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng từ tháng 05/2012 do anh **B** chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con, anh **B** còn đánh chị và đe dọa con gái; do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm và có trách Gêm đến ai. Đối với anh **B**, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Gều lần và tại phiên tòa hôm nay anh **B** vẫn vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện anh **B** có thái độ bỏ mặc và không có thiện chí đoàn tụ cùng chị **A**. Nay chị **A** yêu cầu được ly hôn anh **B**.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn đ-ợc, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị **A**. Xử cho chị Nguyễn Thị **A** đ-ợc ly hôn với anh Tống Hòa **B** là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]Về con chung: Anh **B**, chị **A** có 01 con chung: Cháu Tống Nguyễn Hà **G** – sinh ngày 26/6/2011. Tại phiên tòa, chị **A** có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu **G** và không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị; Hiện nay cháu **G** đang ở cùng với chị **A** tại gia đình nhà Ngoại ở xóm 9, xã Xuân Châu, huyện Thọ Xuân; ngoài ra do anh **B** thường xuyên vắng mặt tại gia đình, nên việc giao con cho anh **B** không đảm bảo được điều kiện về mọi mặt của cháu. Như vậy việc giao cháu **G** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **B** không phải cấp dưỡng tiền

nuôi con chung là phù hợp với thực tế và đảm bảo được điều kiện về mọi mặt của cháu. Sau này anh **B** có nguyện vọng nuôi con thì anh sẽ yêu cầu bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4]Về tài sản, công nợ chung: Chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]Về án phí: Chị **A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị **A** được ly hôn với anh Tống Hòa **B**.

2. Về con chung: Anh **B**, chị **A** có 01 con chung: Cháu Tống Nguyễn Hà **G** – sinh ngày 26/6/2011. Giao cháu **G** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **B** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh **B** có quyền thăm nom con chung không ai đ- ợc cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: □p dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị **A** phải chịu 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0002029 ngày 10/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện **F**, Chị **A** đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **A** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **B** vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự;
- VKS huyện **F**;
- THA huyện **F**;
- UBND TT. **F**;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
--------------------------	--------------------------------------

